

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI E-HSMT
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-PCUNGHOA ngày tháng năm 2025)

Mục	E-HSMT đã phát hành	E-HSMT sửa đổi
	Chương II: BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU	
	E-CDNT 18.2: Giá trị bảo đảm dự thầu: 822.000.000 VND	E-CDNT 18.2: Giá trị bảo đảm dự thầu: 686.000.000 VND
	Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT	
	Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 38.086.000.000 VND .	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 31.773.000.000 VND .
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu: "Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 8.227.000.000 VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị tối thiểu: 8.227.000.000 VND	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu: "Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 6.863.000.000 VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị tối thiểu: 6.863.000.000 VND
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu có tối thiểu: (i) 01 hợp đồng PC (hoặc EPC) đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với vai trò nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu phụ hoặc nhà thầu quản lý có tính chất tương tự như sau:	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu có tối thiểu: (i) 01 hợp đồng PC (hoặc EPC) đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với vai trò nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu phụ hoặc nhà thầu quản lý có tính chất tương tự như sau:

Mục	E-HSMT đã phát hành	E-HSMT sửa đổi
	- Đối với phần công việc cung cấp hàng hóa (P): Có tính chất tương tự: + Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực vật tư thiết bị điện, hoặc: + Là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS - Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS): Mã HS 8544; Mã HS 6810; Mã HS 8546. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y. - Đối với phần công việc xây lắp (C): + Công trình có loại kết cấu: Công trình đường dây và trạm biến áp, cấp: IV Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình thì việc đưa ra yêu cầu về công trình tương tự được thực hiện theo Bảng Y1 - Tổng quy mô (tổng giá trị) phần P và C đã thực hiện, được nghiệm thu trong hợp đồng tối thiểu là 13.711.000.000 VND Hoặc: (ii) 02 hợp đồng P hoặc 02 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) hoặc 01 hợp đồng P + 01 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) với vai trò nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu phụ hoặc nhà thầu quản lý, trong đó tổng giá trị đã thực hiện, được nghiệm thu của 02 hợp đồng P hoặc 02 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) hoặc 01 hợp đồng P + 01 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) tối thiểu là 13.711.000.000, đồng thời phải có tính chất tương tự như sau: - Đối với phần công việc cung cấp hàng hóa (P): Có tính chất tương tự: + Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực vật tư thiết bị điện, hoặc:	- Đối với phần công việc cung cấp hàng hóa (P): Có tính chất tương tự: + Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực vật tư thiết bị điện, hoặc: + Là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS - Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS): Mã HS 8544; Mã HS 6810; Mã HS 8546. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y. - Đối với phần công việc xây lắp (C): + Công trình có loại kết cấu: Công trình đường dây và trạm biến áp, cấp: IV Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình thì việc đưa ra yêu cầu về công trình tương tự được thực hiện theo Bảng Y1 - Tổng quy mô (tổng giá trị) phần P và C đã thực hiện, được nghiệm thu trong hợp đồng tối thiểu là 11.439.000.000 VND Hoặc: (ii) 02 hợp đồng P hoặc 02 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) hoặc 01 hợp đồng P + 01 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) với vai trò nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu phụ hoặc nhà thầu quản lý, trong đó tổng giá trị đã thực hiện, được nghiệm thu của 02 hợp đồng P hoặc 02 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) hoặc 01 hợp đồng P + 01 hợp đồng C (công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) tối thiểu là 11.439.000.000, đồng thời phải có tính chất tương tự như sau: - Đối với phần công việc cung cấp hàng hóa (P): Có tính chất tương tự:

Mục	E-HSMT đã phát hành	E-HSMT sửa đổi
	+ Là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS): Mã HS 8544; Mã HS 6810; Mã HS 8546. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y. - Đối với phần công việc xây lắp (C): + Công trình có loại kết cấu: Công trình đường dây và trạm biến áp, cấp: IV Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình thì việc đưa ra yêu cầu về công trình tương tự được thực hiện theo Bảng Y1	+ Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực vật tư thiết bị điện, hoặc: + Là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS): Mã HS 8544; Mã HS 6810; Mã HS 8546. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y. - Đối với phần công việc xây lắp (C): + Công trình có loại kết cấu: Công trình đường dây và trạm biến áp, cấp: IV Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình thì việc đưa ra yêu cầu về công trình tương tự được thực hiện theo Bảng Y1
	Bảng tiêu chuẩn đánh giá đối với hàng hóa trong trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất	
5	Năng lực sản xuất hàng hóa Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: + mã HS 8544: 41.044 m, + mã HS 6810: 211 sản phẩm, + mã HS 8546: 1860 sản phẩm/01 tháng hoặc tối thiểu: + mã HS 8544: 499.357 m, + mã HS 6810: 2.555 sản phẩm, + mã HS 8546: 22.630 sản phẩm/01 năm; Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:	Năng lực sản xuất hàng hóa Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: + mã HS 8544: 1368m/01 tháng + mã HS 6810: 211 sản phẩm/ 01 tháng + mã HS 8546: 1860 sản phẩm/01 tháng hoặc tối thiểu: + mã HS 8544: 16.645 m/01 năm + mã HS 6810: 2.555 sản phẩm/ 01 năm + mã HS 8546: 22.630 sản phẩm/01 năm; Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

Mục	E-HSMT đã phát hành					E-HSMT sửa đổi																																		
	+ mã HS 8544: 41.044 m + mã HS 6810: 211 sản phẩm + mã HS 8546: 1860 sản phẩm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: + mã HS 8544: 499.357 m. + mã HS 6810: 2.555 sản phẩm. + mã HS 8546: 22.630 sản phẩm. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.					+ mã HS 8544: 1368 m + mã HS 6810: 211 sản phẩm + mã HS 8546: 1860 sản phẩm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: + mã HS 8544: 16.645 m + mã HS 6810: 2.555 sản phẩm. + mã HS 8546: 22.630 sản phẩm. Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.																																		
Bảng Y	Bảng yêu cầu về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa (Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)																																							
	<table><tr><th>STT</th><th>Danh mục hàng hóa</th><th>Mã HS</th><th>Lĩnh vực tổng quát</th><th>Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu</th></tr><tr><td>1</td><td>Dây trần ACSR-70/11mm²</td><td>8544</td><td>Lĩnh vực điện</td><td>15 m/tháng hoặc 183m/năm</td></tr><tr><td>2</td><td>Dây ACSR bọc cách điện 22kV-95/16mm²</td><td>8544</td><td>Lĩnh vực điện</td><td>15.476 m/ tháng hoặc 188.285m/năm</td></tr></table>					STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Lĩnh vực tổng quát	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu	1	Dây trần ACSR-70/11mm ²	8544	Lĩnh vực điện	15 m/tháng hoặc 183m/năm	2	Dây ACSR bọc cách điện 22kV-95/16mm ²	8544	Lĩnh vực điện	15.476 m/ tháng hoặc 188.285m/năm	<table><tr><th>STT</th><th>Danh mục hàng hóa</th><th>Mã HS</th><th>Lĩnh vực tổng quát</th><th>Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu</th></tr><tr><td>1</td><td>Dây trần ACSR-70/11mm²</td><td>8544</td><td>Lĩnh vực điện</td><td>15 m/tháng hoặc 183m/năm</td></tr><tr><td>2</td><td>Dây ACSR bọc cách điện 22kV-150/19mm²</td><td>8544</td><td>Lĩnh vực điện</td><td>1353 m/tháng hoặc 16.462 m/năm</td></tr></table>					STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Lĩnh vực tổng quát	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu	1	Dây trần ACSR-70/11mm ²	8544	Lĩnh vực điện	15 m/tháng hoặc 183m/năm	2	Dây ACSR bọc cách điện 22kV-150/19mm ²	8544	Lĩnh vực điện	1353 m/tháng hoặc 16.462 m/năm
STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Lĩnh vực tổng quát	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu																																				
1	Dây trần ACSR-70/11mm ²	8544	Lĩnh vực điện	15 m/tháng hoặc 183m/năm																																				
2	Dây ACSR bọc cách điện 22kV-95/16mm ²	8544	Lĩnh vực điện	15.476 m/ tháng hoặc 188.285m/năm																																				
STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Lĩnh vực tổng quát	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu																																				
1	Dây trần ACSR-70/11mm ²	8544	Lĩnh vực điện	15 m/tháng hoặc 183m/năm																																				
2	Dây ACSR bọc cách điện 22kV-150/19mm ²	8544	Lĩnh vực điện	1353 m/tháng hoặc 16.462 m/năm																																				

Mục	E-HSMT đã phát hành					E-HSMT sửa đổi				
	3	Dây ACSR bọc cách điện 22kV-70/11mm ²	8544	Lĩnh vực điện	25.533 m/tháng hoặc 310.889m/năm	3	Cột BTLT-PC.I-20-190-13-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	5 cột/ tháng hoặc 55 cột/ năm
	4	Cột BTLT-PC.I-20-190-13-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	5 cột/ tháng hoặc 55 cột/ năm	4	Cột BTLT-PC.I-18-190-13-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	36 cột/tháng hoặc 438 cột/năm
	5	Cột BTLT-PC.I-18-190-13-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	36 cột/tháng hoặc 438 cột/năm	5	Cột BTLT-PC.I-18-190-9.2-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	74 cột/tháng hoặc 894 cột/năm
	6	Cột BTLT-PC.I-18-190-9.2-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	74 cột/tháng hoặc 894 cột/năm	6	Cột BTLT-PC.I-16-190-13-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	6 cột/tháng hoặc 73 cột/năm
	7	Cột BTLT-PC.I-16-190-13-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	6 cột/tháng hoặc 73 cột/năm	7	Cột BTLT-PC.I-16-190-11-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	37 cột/tháng hoặc 447 cột/năm
	8	Cột BTLT-PC.I-16-190-11-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	37 cột/tháng hoặc 447 cột/năm	8	Cột BTLT-PC.I-16-190-9.2-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	53 cột/tháng hoặc 648 cột/năm
	9	Cột BTLT-PC.I-16-190-9.2-Nối bích	6810	Lĩnh vực điện	53 cột/tháng hoặc 648 cột/năm	9	Chuỗi cách điện néo 35kV Polymer-Phụ kiện chuỗi néo cho dây bọc	8546	Lĩnh vực điện	1.400 sản phẩm/tháng hoặc 17.036 sản phẩm/năm
	10	Chuỗi cách điện néo 35kV Polymer-Phụ kiện chuỗi néo cho dây bọc	8546	Lĩnh vực điện	1.400 sản phẩm/tháng hoặc 17.036 sản phẩm/năm	10	Chuỗi cách điện néo 35kV Polymer-Phụ kiện chuỗi néo kép cho dây bọc	8546	Lĩnh vực điện	20 sản phẩm/tháng hoặc 246 sản phẩm/năm
	11	Chuỗi cách điện néo 35kV Polymer-Phụ kiện chuỗi néo kép cho dây bọc	8546	Lĩnh vực điện	20 sản phẩm/tháng hoặc 246 sản phẩm/năm					

Mục	E-HSMT đã phát hành					E-HSMT sửa đổi				
	12	Chuỗi cách điện néo 35kV thủy tinh - Phụ kiện chuỗi néo cho dây trần	8546	Lĩnh vực điện	30 sản phẩm/tháng hoặc 365 sản phẩm/năm	11	Chuỗi cách điện néo 35kV thủy tinh - Phụ kiện chuỗi néo cho dây trần	8546	Lĩnh vực điện	30 sản phẩm/tháng hoặc 365 sản phẩm/năm
	13	Chuỗi cách điện đỡ 35kV-polymer-Phụ kiện chuỗi đỡ cho dây bọc	8546	Lĩnh vực điện	214 sản phẩm/tháng hoặc 2601 sản phẩm/năm	12	Chuỗi cách điện đỡ 35kV-polymer-Phụ kiện chuỗi đỡ cho dây bọc	8546	Lĩnh vực điện	214 sản phẩm/tháng hoặc 2601 sản phẩm/năm
	14	Cách điện đứng gồm 35kV + ty	8546	Lĩnh vực điện	196 sản phẩm/tháng hoặc 2.382 sản phẩm/năm	13	Cách điện đứng gồm 35kV + ty	8546	Lĩnh vực điện	196 sản phẩm/tháng hoặc 2.382 sản phẩm/năm
	Chương IV: BIỂU MẪU MỜI THẦU									
Mẫu 01A	Phạm vi cung cấp hàng hóa và bảng kê hạng mục công việc									
	Chi tiết theo File đính kèm					Chi tiết theo File đính kèm				
	Chương VII: ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG									
E-ĐKC 52	Mục 3: Thử nghiệm điển hình									
	Nhà cung cấp thực hiện lấy mẫu VTTB: dây ACSR bọc cách điện 22kV, chuỗi cách điện 35kV mang đi thí nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập...) có sự chứng kiến của bên mua. Kết quả thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu					Nhà cung cấp thực hiện lấy mẫu VTTB: chuỗi cách điện 35kV mang đi thí nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất (là đơn vị có chứng nhận đạt chuẩn phòng thí nghiệm và đủ thiết bị thí nghiệm đã được kiểm định theo quy định thử nghiệm độc lập...) có sự chứng kiến của bên mua. Kết quả thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử				

Mục	E-HSMT đã phát hành	E-HSMT sửa đổi
	kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm quy định trong hợp đồng (hoặc trong HSMT, HSYC, bản yêu cầu báo giá, HSDT, HSĐX, báo giá...). Số lượng mẫu VTTB mang đi thử nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập trong nước được quy định trong hợp đồng và toàn bộ chi phí do bên bán hàng chịu.	thử nghiệm quy định trong hợp đồng (hoặc trong HSMT, HSYC, bản yêu cầu báo giá, HSDT, HSĐX, báo giá...). Số lượng mẫu VTTB mang đi thử nghiệm tại đơn vị thử nghiệm độc lập trong nước được quy định trong hợp đồng và toàn bộ chi phí do bên bán hàng chịu.